



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

1. NHẬN DẠNG ĐƠN CHẤT HOẶC HỖN HỢP VÀ THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm HBF 4

Các cách thức nhận dạng khác

Số	467
Đơn chất/hỗn hợp	Hỗn hợp

Ứng dụng sản phẩm và các hạn chế khi sử dụng

Ứng dụng sản phẩm Dầu phanh.

Chi tiết về nhà cung cấp Bản thông tin an toàn

Nhà cung cấp	Công ty TNHH TOTAL VIỆT NAM Lô số 3, Khu công nghiệp Gò Dầu Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Điện thoại: +84 251 3543056 Fax: +84 251 3543694
---------------------	--

Để biết thêm thông tin, xin liên hệ:

Nơi liên hệ	HSE
Địa chỉ e-mail	ms.ap-sds@total.com

Điện Thoại Khẩn cấp

Vietnam: +84 28 4458 2388
 Asia-Pacific: +65 3158 1074

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM

Phân loại đơn chất hoặc hỗn hợp

Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng - Loại 2
 Độc hại cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm liên tiếp) - Loại 2

Các chi tiết về nhãn hóa chất, bao gồm thông báo phòng ngừa

Chứa Diethylene-glycol



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3



Từ cảnh báo

CẢNH BÁO

Cảnh báo nguy cơ

H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

H373 - Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại

Thông báo Phòng Ngừa- Đề phòng

- Rửa sạch mặt, tay và bất kỳ phần da nào bị tiếp xúc sau khi sử dụng
- Mang thiết bị bảo hộ mắt/mặt
- Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương dầu/ hơi/ bụi phun

Thông báo Phòng Ngừa- Ứng phó

- Cần tư vấn/chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe
- **NẾU VÀO MẮT:** Rửa cẩn thận bằng nước trong một vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa
- Nếu kích ứng mắt kéo dài: Cần tư vấn/chăm sóc y tế

Thông báo Phòng Ngừa- Thái bỏ

- Thái bỏ sản phẩm/ thùng chứa tại cơ sở xử lý chất thải được phê duyệt

Các nguy cơ khác không đề cập trong phân loại

Tính chất lý hóa

Bề mặt bị dính dầu sẽ rất trơn

Các đặc tính môi trường

Sản phẩm có thể hình thành màng dầu trên mặt nước có thể ngăn cản việc trao đổi oxy

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Hỗn hợp

Tính chất hóa học

Sản phẩm được làm từ dầu gốc tổng hợp

Tên hóa học	Số CAS	Số EC	% khối lượng
Diethylene-glycol	111-46-6	203-872-2	20-<30
2-[2-(2-butoxyethoxy)ethoxy]ethanol	143-22-6	205-592-6	20-<30
2-(2-butoxyethoxy)ethanol	112-34-5	203-961-6	1-<3
2-(2-methoxyethoxy)ethanol	111-77-3	203-906-6	0.3-<1



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Khuyến nghị chung	TRONG TRƯỜNG HỢP TÌNH TRẠNG NGHIÊM TRỌNG HOẶC KÉO DÀI, HÃY GỌI BÁC SỸ HOẶC TRUNG TÂM CHĂM SÓC Y TẾ KHẨN CẤP.
Tiếp xúc với mắt	Rửa mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước. Sau khi rửa lần đầu, tháo bỏ kính áp tròng nếu có và tiếp tục rửa trong thời gian ít nhất là 15 phút. Mở to mắt khi rửa.
Tiếp xúc với da	Ngay lập tức rửa sạch bằng xà phòng và thật nhiều nước trong khi cởi bỏ tất cả quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
Hít phải	Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí và để nghỉ ngơi trong tư thế phù hợp để thở. Nếu nạn nhân ngừng thở, làm hô hấp nhân tạo.
Ăn vào	Súc sạch miệng với nước. Không được ép nôn. Không đưa bất cứ vật gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
Bảo vệ người sơ cứu	Người sơ cứu cần tự bảo vệ mình. Xem Phần 8 để biết thêm chi tiết. Không được dùng phương pháp miệng-kè-miệng nếu nạn nhân đã nuốt hoặc hít phải hóa chất ; hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của một khẩu trang bỏ túi có trang bị van một chiều hoặc thiết bị y tế hỗ trợ hô hấp phù hợp khác.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và lâu dài

Tiếp xúc với da	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Hít phải	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Hít phải hơi ở nồng độ cao có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
Ăn vào	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Ăn phải có thể gây kích ứng đường tiêu hoá, buồn nôn, nôn và tiêu chảy.

Chỉ dẫn về chăm sóc y tế tức thời và các xử lý đặc biệt nếu cần

Các lưu ý cho y bác sỹ Điều trị theo triệu chứng.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất dập lửa phù hợp

Chất dập lửa phù hợp Cacbon dioxit (CO₂). Bột ABC. Bột. Nước phun hoặc phun sương.

Chất dập lửa không phù hợp Không sử dụng dòng nước phun thẳng vì có thể tỏa ra và làm lửa lan rộng.



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Mối nguy đặc biệt Việc đốt cháy không hoàn toàn và sự phân hủy do nhiệt có thể sinh ra nhiều loại khí độc hại khác nhau như là: CO, CO₂, các hydrocarbons, Aldehyde và muội. Có thể có mối nguy hiểm cao nếu hít phải các khí trên trong không gian kín hoặc nồng độ cao.

Khuyến nghị cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Mang thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ.

Các thông tin khác Làm mát các vật chứa/bồn chứa bằng nước phun. Các tro còn lại và nước ô nhiễm từ việc chữa cháy phải được xử lý theo quy định của địa phương.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp phòng ngừa, trang thiết bị bảo hộ cá nhân và quy trình ứng cứu khẩn cấp

Thông tin chung Không chạm vào hoặc đi bộ trong vùng sản phẩm bị tràn đổ. Bề mặt bị dính dầu sẽ rất trơn. Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy.

Đề phòng về mặt môi trường

Thông tin chung Không để vật liệu gây nhiễm bẩn hệ thống nước ngầm. Ngăn không cho chảy vào kênh lạch, cống rãnh, hầm hoặc không gian kín. Các cấp có thẩm quyền của địa phương sẽ được hỏi ý kiến nếu lượng dầu tràn ra đáng kể không thể kiểm soát được.

Phương pháp và vật liệu cho việc chứa và làm sạch

Phương pháp chứa Đắp lại để thu gom lượng chất lỏng tràn đổ lớn. Nếu cần thiết, ngăn sản phẩm bằng cách đắp bờ bao bằng đất khô, cát khô hay các vật liệu không cháy tương tự.

Các phương pháp làm sạch Thải bỏ các sản phẩm/thùng chứa theo quy định địa phương. Trong trường hợp ô nhiễm đất, loại bỏ đất bị ô nhiễm để xử lý hoặc hủy bỏ, phù hợp với các quy định địa phương.

Các thông tin khác

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân. Xem Phần 8 để biết thêm chi tiết.

Xử lý chất thải Xem phần 13.

7. THAO TÁC VÀ TỒN TRỮ

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn

khuyến nghị cho việc thao tác an Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8. Chỉ sử dụng tại các khu vực thoáng khí. Không được hít



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

toàn	hơi hoặc bụi dầu phun. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
Phòng tránh cháy nổ	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
Các biện pháp vệ sinh	Đảm bảo áp dụng các biện pháp vệ sinh nghiêm ngặt cho người có nguy cơ tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm. Vệ sinh thiết bị, nơi làm việc và quần áo thường xuyên. Không sử dụng chất mài mòn, dung môi hoặc nhiên liệu. Không lau khô tay bằng giẻ đã nhiễm bẩn từ sản phẩm. Không nhét giẻ nhiễm bẩn vào túi quần áo.

Các điều kiện tồn trữ an toàn và những điều cần tránh

Biện pháp kỹ thuật/Điều kiện lưu trữ Để xa đồ ăn, thức uống và thức ăn cho vật nuôi. Giữ trong khu vực có bờ bao. Luôn đậy chặt nắp vật chứa. Nên giữ trong thùng chứa ban đầu. Nếu không thì sao chép tất cả các chỉ dẫn quy định của nhãn gốc dán lên thùng chứa mới. Không bỏ các nhãn nguy hại trên các thùng chứa (ngay cả khi thùng chứa rỗng). Thiết kế việc lắp đặt để tránh sự cố văng sản phẩm (ví dụ seal bị hư hỏng) vào bề mặt nóng hoặc tiếp xúc với điện. Lưu trữ ở nhiệt độ phòng. Bảo vệ khỏi hơi ẩm.

Các vật liệu cần tránh Các chất oxy hóa mạnh.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Các giới hạn phơi nhiễm

Tên hóa học	ACGIH (Thông tin thêm)	Việt Nam
2-(2-butoxyethoxy)ethanol 112-34-5	TWA 10 ppm	

Các kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Các biện pháp kỹ thuật Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm tuân thủ giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp. Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những không gian kín. Khi làm việc trong không gian kín (bồn chứa, bể chứa, ...), phải chắc chắn đủ không khí để thở và mang thiết bị bảo hộ được khuyến nghị.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE)

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân.

Thông tin chung

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phải được thực hiện và áp dụng trước khi xem xét đến các biện pháp kiểm soát bằng bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) theo



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

đúng khuyến cáo áp dụng với CHÍNH sản phẩm. Trong trường hợp sản phẩm là hỗn hợp hoặc làm theo công thức, hãy liên hệ với nhà cung cấp PPE liên quan.

Bảo vệ hệ hô hấp

Khi công nhân phải đối mặt với nồng độ cao hơn giới hạn phơi nhiễm họ phải sử dụng mặt nạ phòng độc được chứng nhận phù hợp. Mặt nạ phòng độc với bộ lọc kết hợp hơi / hạt (EN 14387): Loại A/P2. Cảnh báo ! Các bộ lọc có thời gian sử dụng giới hạn. Sử dụng mặt nạ dưỡng khí phải tuân thủ nghiêm ngặt theo hướng dẫn của nhà sản xuất và các quy định cho sự lựa chọn và sử dụng.

Bảo vệ mắt

Kính bảo hộ có gờ chắn kính. EN 166.

Bảo vệ da và cơ thể

Mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Giày hoặc ủng bảo hộ. Quần áo dài tay. Loại 4/6.

Bảo vệ tay

Găng tay chịu được hydrocacbon: Cao su flo hóa, Cao su nitrile. Trong trường hợp tiếp xúc lâu với sản phẩm, khuyến nghị mang găng tay đáp ứng tiêu chuẩn EN 420 và EN 374, bảo vệ tối thiểu 480 phút và có độ dày tối thiểu là 0,38 mm. Những giá trị này chỉ là giá trị biểu thị. Mức độ bảo vệ tùy thuộc vào vật liệu và đặc tính kỹ thuật của găng tay, khả năng chịu được hóa chất đang thao tác, việc sử dụng phù hợp và tần suất thay thế găng tay. Xem các hướng dẫn về tính thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay đưa ra. Cũng cần xem xét các điều kiện sử dụng sản phẩm cụ thể như nguy cơ bị cắt, mài mòn và thời gian tiếp xúc.

9. ĐẶC TÍNH VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Thông tin chung

Cảm quan	Trong suốt
Màu sắc	không màu đến màu hổ phách
Trạng thái vật lý ở 20°C	lỏng
Mùi	nhẹ
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin

Thông tin quan trọng về sức khỏe, an toàn và môi trường

Đặc tính	giá trị	Ghi chú	Phương pháp
độ pH	7 - 11,5		SAE J 1703
Điểm nóng chảy/phạm vi	< -50 °C		SAE J 1703
	< -58 °F		SAE J 1703
Điểm sôi/phạm vi	> 205 °C		SAE J 1703
	> 401 °F		SAE J 1703
Điểm chớp cháy	> 93 °C		IP 35
	> 199 °F		IP 35 .
Tỉ lệ bay hơi		Không có thông tin	



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

Các giới hạn bắt cháy trong không khí		Không có thông tin	
trên		Không có thông tin	
dưới		Không có thông tin	
Áp suất hơi	< 0.2 kPa @ 20 °C		Reid
Tỷ khối hơi		Không có thông tin	
Tỷ trọng tương đối	1.01 - 1.06	@ 20 °C	DIN 51757
Tỉ trọng	1010 - 1060 kg/m ³	@ 20 °C	DIN 51757
Khả năng tan trong nước		hòa tan được	
Tính tan trong các dung môi khác		Không có thông tin	
logPow	< 2.0		OECD 117
Nhiệt độ tự bốc cháy	> 300 °C > 572 °F		ASTM D 286 ASTM D 286
Nhiệt độ phân hủy	> 300		
Độ nhớt động học	5 - 10 mm ² /s	@ 20 °C	ASTM D 445
Các đặc tính nổ	không nổ		
Tính oxy hóa	Không áp dụng		
Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại	Không có khi chế biến thông thường		

Các thông tin khác

Điểm đông đặc Không có thông tin

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG

<u>Khả năng phản ứng</u>	Không có khi chế biến thông thường.
<u>Độ bền hóa học</u>	Ổn định trong các điều kiện tồn trữ được khuyến nghị.
<u>Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hại</u>	Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thông thường.
<u>Các điều kiện cần tránh</u>	Đề xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Tránh xa nhiệt, tia lửa.
<u>Các vật liệu cần tránh</u>	Các chất oxy hóa mạnh.
<u>Các sản phẩm phân hủy nguy hại</u>	Việc đốt cháy không hoàn toàn và sự phân hủy do nhiệt có thể sinh ra nhiều loại khí độc hại như: CO, CO ₂ , các hydrocarbon khác, aldehydes và muối.



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các đường phơi nhiễm có khả năng xảy ra

Hít phải	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Hít phải hơi ở nồng độ cao có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
Ăn vào	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn. Ăn phải có thể gây kích ứng đường tiêu hoá, buồn nôn, nôn và tiêu chảy.
Tiếp xúc với da	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính

Triệu chứng Không có thông tin.

Các ảnh hưởng chậm và ngay lập tức cũng như các ảnh hưởng mãn tính từ tiếp xúc ngắn hạn và dài hạn

Độ độc cấp tính - Thông tin về sản phẩm

Đường miệng không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
0 % của hỗn hợp có chứa (các) thành phần có độc tính cấp tính qua miệng chưa được biết

Qua da không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
0 % của hỗn hợp có chứa (các) thành phần có độc tính cấp tính qua da chưa được biết

Hít phải không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
24 % của hỗn hợp có chứa (các) thành phần có độc tính cấp tính qua hô hấp chưa được biết

Độ độc cấp tính - Thông tin về thành phần

Tên hóa học	LD50 liều bán tử qua ăn uống	LD50 liều bán tử qua da	LC50 hàm lượng bán tử hít vào
Diethylene-glycol		LD50 13300 mg/kg bw (rabbit)	LC50 (4h) > 4.6 mg/l (rat - aerosol)
2-[2-(2-butoxyethoxy)ethoxy]ethanol	LD50 5000 - 11300 mg/kg bw (rat)	LD50 3540 mg/kg bw (rabbit)	
2-(2-butoxyethoxy)ethanol	LD50 5500 mg/kg (Rat)	LD50 2201 mg/kg (Rabbit)	
2-(2-methoxyethoxy)ethanol	= 4 mL/kg (Rat)	= 2500 µL/kg (Rabbit)	

Ăn mòn / kích ứng da không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.

Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Mẫn cảm không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

Khả năng gây ung thư	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn
Khả năng gây đột biến cho thai nhi	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn
Gây độc cho sinh sản	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
Gây ảnh hưởng cho cơ quan đích (STOT)	Không được biết
STOT - phơi nhiễm đơn lẻ	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn
STOT - phơi nhiễm nhiều lần	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại
Nguy hại đường hô hấp	không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.
Các ảnh hưởng có hại khác	Các tổn thương da đặc trưng (giộp da mọng nước) có thể phát triển sau khi tiếp xúc kéo dài và lặp lại (tiếp xúc với quần áo nhiễm bẩn).

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính về mặt sinh thái

không được phân loại dựa trên các dữ liệu có sẵn.

Độc cấp tính cho thủy sinh vật - Thông tin về sản phẩm

Không có thông tin.

Độc cấp tính cho thủy sinh vật - Thông tin về thành phần

Tên hóa học	Độc tính đối với tảo	Độc tính đối với bộ nước và thủy sinh không xương sống khác	Độc tính đối với cá	Độc tính đối với các vi sinh vật
Diethylene-glycol 111-46-6	EC50 (96h) 9362 mg/l (green algae)	EC100 (24h) >10000 mg/l (Daphnia magna) EC50 (24h) >10000 mg/l (Daphnia magna)	LC50 (96h) 75200 mg/l (Pimephales promelas)	
2-[2-(2-butoxyethoxy)ethoxy] ethanol 143-22-6	EC50(72h) 500 - 3211 mg/l (Desmodesmus subspicatus)	EC50(48h) 500 - 3141.3 mg/l (Daphnia magna)	LC50(96h) 2200-4600 mg/l (Leuciscus idus)	
2-(2-butoxyethoxy)ethanol 112-34-5	EC50 (96h) > 100 mg/L Desmodesmus subspicatus	EC50 (48h) > 100 mg/L Daphnia magna EC50 (24h) = 2850 mg/L Daphnia magna	LC50 (96h) = 1300 mg/l (Lepomis macrochirus - static - OECD 203)	
2-(2-methoxyethoxy)ethanol 111-77-3	EC50 (72h) > 500 mg/L Desmodesmus subspicatus	EC50 (48h) > 500 mg/L Daphnia magna	LC50 (96h) = 7500 mg/L Lepomis macrochirus (static)	EC50 > 10000 mg/L 17 h



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

			LC50 (96h) = 7500 mg/L Lepomis macrochirus () LC50 (96h) = 5741 mg/L Pimephales promelas ()	
--	--	--	--	--

Độc mạn tính cho thủy sinh vật - Thông tin về sản phẩm

Không có thông tin.

Độc mạn tính cho thủy sinh vật - Thông tin về thành phần

Không có thông tin.

Các ảnh hưởng lên các sinh vật trên cạn Không có thông tin.

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có thông tin.

Khả năng tích tụ sinh học

Thông tin về sản phẩm Không có thông tin.

logPow < 2.0

Thông tin về thành phần

Tên hóa học	log Pow
2-[2-(2-butoxyethoxy)ethoxy]ethanol - 143-22-6	0.51
2-(2-butoxyethoxy)ethanol - 112-34-5	0.56
2-(2-methoxyethoxy)ethanol - 111-77-3	0

Tính linh động

Đất Với các đặc tính vật lý và hóa học đã biết, sản phẩm nhìn chung linh động trong đất.
Không khí Ít mất mát do bay hơi.
Nước Tan trong nước.

Các ảnh hưởng có hại khác

Thông tin chung Không có thông tin.



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Chất thải từ cặn dư/ sản phẩm chưa sử dụng	Không được thải vào môi trường. Không được đổ vào cống rãnh. Thải bỏ theo luật và quy định hiện hành về môi trường của quốc gia. Nếu có thể, tái chế tốt hơn là hủy bỏ hoặc đốt.
Bao bì nhiễm bẩn	Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở xử lý chất thải được phê duyệt để tái chế hoặc hủy bỏ.
Các thông tin khác	Tham khảo phần 8 về các biện pháp an toàn và bảo vệ cho các nhân viên làm công việc thải bỏ.

14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

<u>ADR/RID</u>	Không được qui định
<u>IMDG/IMO</u>	Không được qui định
<u>ICAO/IATA</u>	Không được qui định
<u>ADN</u>	Không được qui định

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

<u>Danh Mục các luật Quốc Tế</u>	Tất cả các chất có chứa trong sản phẩm này được liệt kê hay loại trừ khỏi danh sách theo bản kê sau: Canada (DSL/NDSL) Hàn Quốc (KECL) Philippin (PICCS) Úc (AICS) Châu Âu (EINECS/ELINCS/NLP) Nhật Bản (ENCS) Niu Di Lân (NZIoC) Hoa Kỳ (TSCA) Trung Quốc (IECSC)
---	---

Các thông tin bổ sung

Không có thông tin



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

Thông tin quy định quốc gia

Không có thông tin

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày phát hành: 2016-03-18
Ngày sửa đổi: 2020-04-14
Ghi chú về sửa đổi: Không có thông tin.

Chữ viết tắt, từ viết tắt

ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists = Hiệp hội vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
bw = body weight = cân nặng cơ thể
bw/day = body weight/day = cân nặng cơ thể/ngày
EC x = Effect Concentration associated with x% response = Nồng độ gây ảnh hưởng kết hợp với x% phản ứng
GLP = Good Laboratory Practice = thực hành tốt phòng thí nghiệm
IARC = International Agency for Research of Cancer = Cơ quan quốc tế nghiên cứu ung thư
LC50 = 50% Lethal concentration = 50% hàm lượng gây chết người - hàm lượng của một chất hóa học trong không khí hoặc một hóa chất trong nước gây ra 50% cái chết (một nửa) của một nhóm các động vật thử nghiệm
LD50 = 50% Lethal Dose = 50% liều gây chết người - Khối lượng hóa chất, cho một lần, gây ra 50% cái chết (một nửa) của một nhóm các động vật thử nghiệm
LL = Lethal Loading = nồng độ gây chết người
NIOSH = National Institute of Occupational Safety and Health = Viện An toàn và sức khỏe nghề nghiệp Quốc gia
NOAEL = No Observed Adverse Effect Level = Mức độ không gây ảnh hưởng có hại quan sát được
NOEC = No Observed Effect Concentration = Nồng độ không gây ảnh hưởng quan sát được
NOEL = No Observed Effect Level = Mức độ không gây ảnh hưởng quan sát được
OECD = Organization for Economic Co-operation and Development = Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
OSHA = Occupational Safety and Health Administration = Hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp
UVCB = Substance of unknown or Variable composition, Complex reaction products or Biological material = chất của thành phần không biết hoặc biến đổi, các sản phẩm phản ứng phức tạp hoặc các vật liệu sinh học
ATE = Acute Toxicity Estimate = Giá Trị Ước Tính Độ Độc Cấp Tính
QSAR = Quantitative Structure-Activity Relationship = Mối Quan Hệ Định Lượng Giữa Cấu Trúc - Hoạt Tính
EL50 = median Effective Loading
NOELR = No Observed Effect Loading Rate
PAH = Polycyclic aromatic hydrocarbons = Các hydrocacbon thơm đa vòng
LOEC = Lowest Observed Effect Concentration
PVA = Polyvinyl alcohol = Polyvinyl alcol
PVC = Polyvinyl chloride = Polyvinyl clorua
ECOSAR = Ecological Structure Activity Relationships
CNS = Central nervous system = Hệ thần kinh trung ương
EPA = Environmental Protection Agency = Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường
ErL50 = effective loading on growth rate in algae test, to cause a 50% response
EbL50 = effective loading on growth with the control in algae test, to cause a 50% response

Ghi chú

Phần 8

ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists = Hiệp hội vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
TWA - Time Weight Average = Trung bình tính theo thời gian



BẢN THÔNG TIN AN TOÀN

theo Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu

BẢN THÔNG TIN AN TOÀN
SỐ: 082937

HBF 4

Ngày phát hành: 2016-03-18

Ngày sửa đổi: 2020-04-14

Phiên bản 3

STEL - Short Term Exposure Limits = Ngưỡng tiếp xúc ngắn hạn
S* - Skin notation = Chỉ da Ceiling: Giá trị giới hạn tối đa

Bảng Thông tin an toàn để hoàn thiện nhưng không thay thế cho bảng thông số kỹ thuật sản phẩm. Các thông tin trong này dựa trên sự trung thực và chính xác theo sự hiểu biết của chúng tôi tính đến thời gian phát hành. Người sử dụng phải hiểu rằng việc sử dụng sản phẩm ngoài mục đích đã đưa ra, có thể gây nguy cơ tiềm ẩn. Những thông tin cung cấp ở đây không nhằm hạn chế người sử dụng biết và áp dụng các điều quy định trong hoạt động của họ. Người sử dụng chịu trách nhiệm pháp lý về biện pháp phòng ngừa cần thiết khi sử dụng sản phẩm. Các nội dung theo quy định được dẫn giải nhằm giúp người sử dụng hoàn thành bổn phận. Danh sách này không được xem là hoàn chỉnh và bao hàm hết mọi khía cạnh. Trách nhiệm của người sử dụng là tuân thủ các quy định đã đề cập

Hết bảng dữ liệu an toàn